

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HIỆP HÒA
TỈNH BẮC GIANG**

Bản án số:40/2023/DS-ST

Ngày 05 tháng 5 năm 2023

V/v: “*Tranh chấp về hợp đồng*

Vay tài sản ”

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA, TỈNH BẮC GIANG.**

Với tHnh phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Thanh Thuận

- Các Hội thẩm nhân dân:

1- Ông Lê Thanh Miên

2 - Ông Nguyễn THnh Loan

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Đoàn Thanh Hiệp – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa tham gia phiên toà: Bà Dương Thị Thúy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05/05/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 273/2022/TLST-DS ngày 30 tháng 11 năm 2022. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35a/2023/QĐXX -DS ngày 30/3/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 44/2023/QĐST-DS ngày 18/4/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phạm Văn T- Sinh năm 1979 (vắng mặt)

Cư trú: thôn Trung Tâm, xã Hợp T, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

Do ông Vũ Văn X- Sinh năm 1979 (Có mặt)

Địa chỉ: Số 123, đường Nguyễn Gia Thiều, khu 3, phường Suối Hoa, Tp Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

Là: Người đại diện theo ủy quyền.

Bị đơn: Ông Mẫn Xuân H- Sinh năm 1981(Vắng mặt)

Chị Nguyễn Thị Huyền T- Sinh năm 1991 (Vắng mặt).

Cư trú đều ở: Tổ dân phố Số 3, thị trấn TH, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Chị Đồng Thị K- Sinh năm 1983 (Có đơn xin vắng mặt)

Cư trú: thôn Trung Tâm, xã Hợp T, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 28/9/2022 bản tự khai và tại phiên tòa ông Vũ Văn X người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày.

Do có mối quan hệ quen biết vào ngày 01/10/2021, anh Mẫn Xuân H, chị Nguyễn Thị Huyền T có vay của anh T số tiền 100.000.000 đồng, khi vay có lập giấy biên nhận vay tiền đề ngày 01/10/2021, do anh H ký nhận, với mục đích mua ô tô để kinh doanh, thời hạn

vay 01 tháng, lãi suất thỏa thuận theo lãi ngân Hng. Hết thời hạn vay ngày 01/11/2021, anh T có liên hệ yêu cầu vợ chồng anh H chị T trả nợ nhưng vợ chồng anh H, chị T không trả cứ khất nợ.

Nay anh yêu cầu vợ chồng anh H, chị T phải trả anh T số tiền gốc 100.000.000 đồng và tiền lãi theo lãi suất cơ bản của Ngân Hng nH nước tính từ ngày 01/10/2021 đến ngày xét xử.

Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đề nghị vợ chồng anh H chị T trả tiền lãi theo lãi suất là 10%/ năm, tính từ ngày 01/10/2021 đến ngày xét xử tính tròn là 19 tháng là 15.833.000 đồng.

Bị đơn anh Mẫn Xuân H tại biên bản ghi lời khai anh H trình bày: Do có mối quan hệ quen biết nên anh có vay tiền của anh Phạm Văn T để làm ăn kinh doanh ô tô, với số tiền 100.000.000 đồng, khi vay có lập giấy biên nhận vay tiền đề ngày 01/10/2021, chữ ký trong giấy biên nhận vay tiền do anh T cung cấp anh xác định là chữ ký của anh. Mục đích vay để lấy vốn kinh doanh ô tô, phát triển kinh tế gia đình. Lãi suất vay theo thỏa thuận, thời hạn vay 01 tháng. Đến hạn phải trả cả gốc và lãi. Do làm ăn thua lỗ nên anh không trả được tiền anh T theo thỏa thuận. Nay anh T khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh phải trả số tiền vay 100.000.000 đồng và tiền lãi thì anh đồng ý trả, nhưng anh đề nghị cho anh được trả dần, do hiện nay anh đang khó khăn về kinh tế.

Vợ chồng anh đã ly hôn tháng 11/2022. Tuy nhiên khoản vay này trong thời kỳ hôn nhân nên anh đồng ý với yêu cầu khởi kiện của anh T là vợ chồng cùng có trách nhiệm trả.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, chị Đồng Thị K tại biên bản ghi lời khai trình bày: Chị là vợ anh T, việc vay mượn tiền giữa anh T và anh H chị không biết, chị không liên quan, vì đây là tiền riêng của anh T. Nay chị không có yêu cầu, đề nghị gì. Chị đề nghị cho chị xin vắng mặt khi hòa giải và xét xử.

Chị Nguyễn Thị Huyền T: Đã được tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần, tuy nhiên chị T không đến Tòa để làm việc, cũng không có bản khai trình bày quan điểm gửi cho Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa có quan điểm:

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Thẩm quyền thụ lý đúng qui định tại khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS).

Việc xác định tư cách tham gia tố tụng đúng qui định tại Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng qui định tại các điều từ 93 đến 97 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trình tự thụ lý, giao nhận thông báo thụ lý cho VKS và cho các đương sự đúng qui định tại Điều 195, Điều 196 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Thời hạn xét xử thực hiện đúng qui định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự

Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Áp dụng các Điều 26; Điều 35; Điều 39; khoản 3 Điều 146, Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463; Điều 465; Điều 466; Điều 468; Điều 470 của Bộ luật dân sự; Điều 27, 37 Luật HNGĐ; Điều 12 - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Văn T.

Buộc anh Mẫn Xuân H và chị Nguyễn Thị Huyền T phải có nghĩa vụ liên đới trả cho anh Phạm Văn T tổng số tiền 115.000.000 đồng (trong đó tiền gốc 100.000.000 đồng, tiền lãi 15.833.000 đồng).

Về án phí: anh Mẫn Xuân H, chị Nguyễn Thị Huyền T phải chịu 5.791.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm

Trả lại anh Phạm Văn T tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Đề nghị T quyền kháng cáo và quyền thi hành án đối với các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1]- Về tố tụng:

Bị đơn anh Mẫn Xuân H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ có đơn xin vắng mặt; Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Huyền T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự trên là phù hợp với quy định tại Điều 227; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

- **Về quan hệ tranh chấp:** Hội đồng xét xử xét thấy nguyên đơn anh Phạm Văn T đã cung cấp các tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện đầy đủ và có căn cứ. Khi vay tiền các bên đương sự có viết giấy biên nhận vay tiền, đã thể hiện sự giao kết hợp đồng, vì vậy biên nhận vay tiền là một dạng thỏa thuận giao kết hợp đồng, cho nên tranh chấp giữa các bên đương sự là “ Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản”.

Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn cư trú ở địa bàn huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại các Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]- Về thời hiệu khởi kiện: Do các đương sự không có đơn yêu cầu xem xét về thời hiệu nên HĐXX không xem xét.

[4]- Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Anh Phạm Văn T yêu cầu anh Mẫn Xuân H, chị Nguyễn Thị Huyền T có nghĩa vụ trả số tiền vay gốc là 100.000.000 đồng; Và yêu cầu đòi lãi trả tiền lãi là 10%/năm, tính từ ngày 01/10/2021 đến ngày xét xử tính tròn là 19(mười chín) tháng là 15.833.000 đồng HĐXX thấy rằng:

Theo lời trình bày của anh T (Nguyên đơn); anh H (Bị đơn); Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và các tài liệu có trong hồ sơ thì có cơ sở để xác định có việc anh Phạm Văn T và anh Mẫn Xuân H có thỏa thuận với nhau về việc vay tiền.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh H thừa nhận có việc thỏa thuận vay tiền 100.000.000 đồng của anh T, khi vay có lập giấy biên nhận, anh xác nhận chữ ký trong giấy vay tiền là của anh, mục đích vay để kinh doanh ô tô phát triển kinh tế gia đình, anh xác định đây là công nợ chung của vợ chồng, anh đề nghị vợ chồng cùng có trách nhiệm trả.

Do vậy yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Văn T yêu cầu anh Mẫn Xuân H, chị Nguyễn Thị Huyền T trả số tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng là có căn cứ, cần được chấp nhận.

Về yêu cầu tính lãi của anh T theo lãi suất ngân hàng quy định tại thời điểm vay đến ngày xét xử. Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật là 10% trên năm tính từ ngày 01/10/2021 đến ngày 05/5/2023 tính tròn là 19 (mười chín) tháng = 15.833.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh H đồng ý với yêu cầu về lãi suất của nguyên đơn, nên yêu cầu của nguyên đơn anh T là có căn cứ cần được chấp nhận, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Đối với chị Nguyễn Thị Huyền T là vợ anh Mẫn Xuân H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, tuy nhiên chị T không đến Tòa án làm việc, không gửi văn bản tố tụng gì cho Tòa án, nên chị T đã tự từ bỏ quyền lợi ích chính đáng của mình. Xét thấy tại thời điểm vay mượn tiền giữa chị T và anh H vẫn chung sống cùng nhau, mục đích vay tiền để kinh doanh, nhằm mục đích phát triển kinh tế gia đình. Tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số: 201/QĐST-HNGĐ, ngày 25/11/2022 của Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa thì phần “Tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản” giữa chị T và anh H chưa yêu cầu Tòa án giải quyết, theo biên bản xác minh tại địa phương (BL số 57) thì chị T và anh H tuy ly hôn nhưng vẫn sống chung cùng nhau, nên đây được xác định là công nợ chung của vợ chồng, nên việc anh T có đơn khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh H, chị T phải có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ gốc và lãi là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 288 của Bộ luật dân sự và Điều 27 Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình.

Đối với chị Đồng Thị K xác định là vợ của anh Phạm Văn T, chị xác định đây là khoản tiền riêng của anh T, việc anh T cho anh H vay tiền thế nào chị không biết, chị không có yêu cầu đề nghị gì.

[5]- Về án phí:

- Anh Mẫn Xuân H, chị Nguyễn Thị Huyền T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

- Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí cho anh Phạm Văn T.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 26; Điều 35; Điều 39; khoản 3 Điều 146, Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 288; Điều 463; Điều 465; Điều 466; Điều 468; Điều 470 của Bộ luật dân sự; Căn cứ Điều 27, 37 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Văn T.

Buộc anh Mẫn Xuân H và chị Nguyễn Thị Huyền T phải có nghĩa vụ liên đới trả cho anh Phạm Văn T tổng số tiền 115.833.000 đồng (một trăm mười năm triệu tám trăm ba mươi ba nghìn đồng) trong đó (tiền gốc 100.000.000 đồng, tiền lãi 15.833.000 đồng)

2. Về án phí: Anh Mẫn Xuân H, chị Nguyễn Thị Huyền T phải liên đới chịu 5.791.000 đồng (năm triệu bảy trăm chín mươi một nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại anh Phạm Văn T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.895.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008492 ngày 30 tháng 11 năm 2022 tại chi cục thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày T án.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

4. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử, cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, Hng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự.

5. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2- Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b và 9- Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30- Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND T. Bắc Giang;
- VKSND huyện Hiệp Hòa,
- CCTHADS huyện Hiệp Hòa,
- Các đương sự,
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Ngô Thanh Thuần

